

Bản án số: 09/2021/HS-PT
Ngày 29-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng

Ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Công T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2020/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Công T, sinh năm 1969 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công K và bà Trương Thị K (Đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thanh A và 02 con (Con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 14-5-2020, được tại ngoại – Có mặt.

2. Nguyễn Phước T (Tên gọi khác: B), sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X (Đã chết) và bà Bùi Thị L; có vợ là Phạm Thị N và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không, được tại ngoại – Có mặt.

3. Lê Văn T, sinh năm 1969 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Khu dân cư số 13, khu vực 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Lê K và bà Mai Thị T (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B và 03 con (Nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 06-8-2020, được tại ngoại – Có mặt.

4. Cao Xuân T, sinh năm 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân H và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020, hiện đang tạm giam – Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T*: Ông Vũ Ngọc Vinh – Luật sư Công ty Luật Bến Thành Hà Nội; địa chỉ: Số 262/15 đường L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016 Phạm Công T nhận chuyển nhượng của anh Phạm Minh T 01 ha đất rẫy tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình sử dụng đất, Phạm Công T nảy sinh ý định phá rừng lồ ô ở phía đỉnh rẫy để có thêm đất canh tác nên đã thuê Nguyễn Phước T, Lê Văn T phát dọn với tiền công 200.000đ/ngày thì được cả hai đồng ý. Sáng ngày 28-4-2020, Phạm Công T chuẩn bị 04 con dao phát, thức ăn, rồi cùng Nguyễn Phước T và Lê Văn T di chuyển bằng xe máy (Xe mô tô) vào khu vực rừng để phát dọn. Theo sự hướng dẫn của Phạm Công T, ba người tiến hành phát dọn từ dưới lên trên đỉnh đồi, từ phải qua trái, mỗi người cách nhau khoảng 10m. Cả ba người phát dọn trong 02 ngày 28 và 29-4-2020 thì nghỉ lễ 30-4 và 01-5 tại nhà anh Phạm Minh T. Tại đây, Phạm Công T gặp và thuê thêm Cao Xuân T làm công phá rừng thì Cao Xuân T đồng ý.

Chiều tối ngày 02-5-2020 Phạm Công T chuẩn bị thêm 01 con dao phát rồi cùng Nguyễn Phước T, Lê Văn T, Cao Xuân T vào rẫy của Phạm Công T để nghỉ. Ngày 03-5-2020, Phạm Công T, Nguyễn Phước T, Lê Văn T tiếp tục dùng dao chặt phá cây rừng, còn Cao Xuân T do say rượu, mệt nên nằm ngủ không tham gia phá rừng. Sáng ngày 04-5-2020 Cao Xuân T được Phạm Công T đưa cho 01 con dao phát và cùng tham gia chặt phá cây rừng với cả nhóm. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Kiểm lâm phát hiện, lập biên bản đối với Cao Xuân T, các bị cáo khác bỏ chạy khỏi hiện trường. Sau đó, lực lượng Kiểm lâm đã bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song xử lý.

Tại Biên bản kiểm tra, ghi nhận hiện trường vào ngày 12-5-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song thể hiện: Diện tích rừng bị phá hủy trong ba ngày 28, 29-4-2020 và 03-5-2020 là 5.589m²; diện tích phá hủy trong ngày 04-5-2020 là 6.691m².

Tại bản Kết luận giám định tư pháp số: 04/KLGD ngày 13-5-2020 của Giám định viên tư pháp Hạt Kiểm lâm huyện Đ kết luận: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại

là 12.280m², thuộc trạng thái: Rừng lô tự nhiên núi đất; loại rừng: Sản xuất, mức độ thiệt hại 100%; qua kiểm tra lập OTC 500m² đếm được 215 cây lồ ô có đường kính 4-6cm với trữ lượng là 0,413m³, mật độ cây lồ ô là 4.300 cây/ha. Giá trị thiệt hại đối với diện tích 6.691m² rừng lô ô bị hủy hoại là: 23.354.266đ; giá trị thiệt hại đối với diện tích 5.589m² rừng lô ô bị hủy hoại là: 19.507.845đ. Tổng giá trị thiệt hại là 42.862.111đ.

Vật chứng của vụ án: 05 con dao phát; 01 xe mô tô BKS: 76X7-9819 do Nguyễn Phước T sử dụng; 01 xe mô tô BKS 76V1-9052 do Phạm Công T sử dụng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2020/HS-ST ngày 02-10-2020 của Toà án nhân huyện Đắk Song đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Công T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 30-6-2020.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 06-8-2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Xuân T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05-5-2020.

Ngày 14-10-2020 các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T kháng cáo kêu oan; Ngày 16-10-2020 bị cáo Cao Xuân T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T và Nguyễn Phước T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ một phần hình phạt, mong hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo đều rất khó khăn, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Cao Xuân T không tranh luận gì chỉ xin hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, cha bỏ đi từ lâu, mẹ phải chấp hành án trong vụ án khác, bị cáo phải nuôi bà ngoại 80 tuổi để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết, chứng cứ của vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và

Cao Xuân T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2020/HS-ST ngày 22-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt theo hướng giảm nhẹ đối với các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T.

- Giảm cho bị cáo Phạm Công T 01 năm tù.
- Giảm cho bị cáo Lê Văn T 06 đến 09 tháng tù.
- Giảm cho bị cáo Nguyễn Phước T 06 đến 09 tháng tù.
- Giảm cho bị cáo Cao Xuân T 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Luật sư Vũ Ngọc Vinh trình bày luận cứ: Đề nghị Hội đồng xem xét hành vi của bị cáo Lê Văn T không phạm tội hủy hoại rừng do bị cáo Lê Văn T chỉ là người làm thuê đi dọn rẫy cho bị cáo Phạm Công T, không biết là phá rừng. Trường hợp kết tội bị cáo Lê Văn T thì bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong các ngày 28-4-2020, 29-4-2020, 03-5-2020 và 04-5-2020 các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T và Nguyễn Phước T đã có hành vi dùng dao phát để phá rừng trái phép với diện tích là 12.280m², loại rừng sản xuất, trạng thái rừng lồ ô tự nhiên núi đất, lâm phần thuộc lô 10, khoảnh 6, tiểu khu 1635 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ quản lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T và Nguyễn Phước T về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Cao Xuân T tham gia phá rừng trong ngày 04-5-2020 với diện tích 6.691m² nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Cao Xuân T về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chỉ xin được giảm nhẹ một phần hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T, Cao Xuân T đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại, quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Công T là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Lê Văn T thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Nguyễn Phước T đã đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Cao Xuân T có hoàn cảnh gia đình khó khăn,

cha bỏ đi từ lâu, mẹ đang chấp hành án trong vụ án khác, bản thân bị cáo phải nuôi bà ngoại 80 tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, các bị cáo đều có nhân thân tốt, thuộc trường hợp phạm tội lần đầu. Đối với bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T chỉ là người làm công vì mục đích mưu sinh của gia đình. Ngoài ra, bị cáo Cao Xuân T chỉ tham gia phá rừng trong một ngày với diện tích nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phạm Công T 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù; bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù; bị cáo Nguyễn Phước T 03 (Ba) năm tù; bị cáo Cao Xuân T 01 (Một) năm tù là có phần nghiêm khắc cho nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2020/HS-ST ngày 22-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông về phần hình phạt theo hướng giảm nhẹ đối với các bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, luận cứ xin giảm nhẹ hình phạt của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng, cáo kháng nghị.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2020/HS-ST ngày 22-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông về phần hình phạt đối với các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Công T 02 (*Hai*) năm 03 (*Ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 30-6-2020.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-5-2020 đến ngày 06-8-2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Xuân T 08 (*Tám*) tháng 24 (*Hai mươi bốn*) ngày tù, bằng thời gian bị tạm giữ, tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Cao Xuân T.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Công T, Lê Văn T, Nguyễn Phước T và Cao Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CA huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện M;
- UBND thị trấn M, huyện M;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Bùi Thị Ngọc